

**PHẨM 11: BỒ TÁT HẠNH**

Tất cả mười một phẩm đều chánh thức nói về phần bản tông, trong đó lại có ba: Chín phẩm trên nói về cảnh Bồ-tát, một phẩm này nói về hạnh Bồ-tát. Biết cảnh mới khởi hạnh. Nghĩa của từ Bồ-tát thì như trên đã giải thích. Hạnh tức là nhân nghiệp, tức nhân nghiệp mà Bồ-tát tu tập để thành Phật. Phẩm này nói rõ về việc trên cho nên gọi là phẩm Bồ-tát hạnh.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Đức Phật còn ở tại vườn Am-la-vệ... đều hiện sắc vàng.*

Tán: Toàn phẩm được phân làm ba đoạn:

1. Hiện tướng khi chưa đến Am viên.
2. Trình bày khi đã đến chỗ Phật.
3. Bồ-tát khen ngợi xin trở về.

Trong phần một lại có ba:

1. Chưa đến mà đã hiện tướng.
2. A-nan kinh lạ thưa hỏi.
3. Thế Tôn chỉ dạy.

Đây là văn thứ nhất. Các vị Bồ-tát muốn đến Am viên nên hiện trước các tướng:

1. Biến rộng lớn, vì tăng trưởng hạnh Đại thừa.
2. Biến trang nghiêm thanh tịnh, vì diệt phiền não.
3. Biến thành màu vàng ròng, hiển thị thành tựu quả vị thù thắng bậc nhất.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, A-nan-đà... đều hiện màu vàng ròng.*

Tán: A-nan kinh ngạc thưa hỏi, chẳng biết những tướng này, nên hỏi do ai tạo ra.

**Kinh:** *Đức Phật bảo Cự Thọ A-nan-đà... hiện trước các tướng này.*

Tán: Thế Tôn chỉ dạy.

**Kinh:** *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... nghe nhận diệu pháp.*

Tán: Đoạn thứ hai, trình bày khi đến chỗ Phật. Văn gồm bốn phần:

1. Thảo luận về việc muốn đến.
  2. Đến rồi kính lễ.
  3. Thế Tôn chỉ ra và hỏi.
  4. Nghe mùi hương, kinh lạ thưa hỏi.
- Trong phần một lại được chia hai:
1. Vô Cấu thảo luận.

2. Ngài Các Tướng trả lời nên đến.

Đây là văn thứ nhất. Phật sai bảo đến thăm bệnh, theo lý đã hợp, tự luận biết, hướng hồ lại muốn chiêm ngưỡng mà nghe pháp, nên cùng với đại chúng đến chỗ Phật sao?

**Kinh:** *Bồ-tát Diệu Các Tướng nói... có thể cùng đi.*

Tán: Ngài Các Tướng đáp nên đến. Chúng sinh căn cơ đã thuần thực lại thêm Thế Tôn đã vận tâm Từ bi rộng khắp, cho nên đúng là lúc nên cùng đến.

**Kinh:** *Bấy giờ, Vô Cấu Xưng... thẳng đến chỗ của Phật.*

Tán: Thứ hai, đã đến và đánh lễ, gồm có ba:

1. Dùng bàn tay đưa đại chúng đi.
2. Đã đến liền kính lễ.
3. Đức Phật bảo ngồi.

Đây là văn thứ nhất. Dùng thần cảnh thông, làm cho đại chúng chẳng rời tòa ngồi, đặt tòa vào lòng bàn tay mang đến chỗ của Phật.

**Kinh:** *Đến xong bèn bước xuống đất... đứng một cánh nghiêm trang.*

Tán: Đã đến và đánh lễ, gồm có ba:

1. Vô cấu đánh lễ.
2. Bồ-tát đánh lễ.
3. Đại chúng đánh lễ.

Đây là đoạn một. Mọi người bước xuống đất, tự lễ kính Đức Thế Tôn, đi nhiều rồi lại trang nghiêm mà đứng. Đánh lễ thì năm chi đều tiếp đất để biểu thị sự tôn kính, nhiều theo chiều bên phải là biểu thị cho sáu thần thông hiện hóa; bảy vòng biểu thị diệt bảy tùy miên, được bảy giác phần, thành tựu bảy thanh tịnh; hướng về Phật tức biểu thị được Nhất thiết trí địa, được nhất vô tướng, chấp tay biểu thị thâm hợp chân cảnh, nghiêm trang mà đứng là may được Phật dạy bảo.

**Kinh:** *Các Đại Bồ-tát... nghiêm trang mà đứng.*

Tán: Đây là Bồ-tát lễ kính.

**Kinh:** *Các đại Thanh văn... nghiêm trang mà đứng.*

Tán: Đại chúng kính lễ, mới đến nên tôn kính, liền xuống tòa làm lễ; nghe pháp rồi sẽ đi, cho nên nghiêm trang mà đứng.

**Kinh:** *Bấy giờ, Đức Thế Tôn... mỗi mỗi đều đến tòa của mình.*

Tán: Đức Phật bảo đến tòa ngồi. Đầu tiên là bảo. Sau là ngồi. Đây là lời bảo. Tiếp người đến có lễ kính, nên như pháp thăm hỏi. Sắp ngộ Thánh đạo, nên bảo mỗi mỗi trở về tòa.

**Kinh:** *Bấy giờ, đại chúng... cung kính mà ngồi.*

Tán: Vâng mệnh chẳng dám xem thường. Mỗi mỗi đều trở về tòa của mình; biểu thị sắp được Niết-bàn, vì thế trước là ngồi, ngồi ắt sẽ đến lúc nằm, nằm là cực Niết-bàn.

**Kinh:** *Bấy giờ, Thế Tôn... chỗ làm.*

Tán: Thứ ba, Thế Tôn chỉ bày và hỏi, gồm có bốn:

1. Đức Phật hỏi.
2. Xá-lợi Tử đáp.
3. Hỏi lại.
4. Xá-lợi Tử thuật.

Đây là văn thứ nhất. Đại sĩ Vô Cấu trụ ở vị giải thoát, do việc bậc nhất này mà gọi là trí tối thắng, tự tại hóa hiện nên gọi là tự tại; diệu dụng vô ngại gọi là chỗ làm của thần lực.

**Kinh:** *Xá-lợi Tử... vâng con đã thấy.*

Tán: Thứ hai, Xá-lợi Tử đáp.

**Kinh:** *Thế Tôn lại hỏi: “Ông khởi ý tưởng gì?”*

Tán: Thứ ba, Thế Tôn lại hỏi. Ông đối với việc này giải thích thế nào?

**Kinh:** *Xá-lợi Tử thưa: Còn khởi tưởng cho rằng rất khó nghĩ bàn.*

Tán: Thứ tư, Xá-lợi Tử thuật, có hai: Nêu và giải thích.

Đây là phần nêu lên.

**Kinh:** *Con thấy Đại sĩ... chẳng thể nói năng tán thán được.*

Tán: Giải thích việc khó nghĩ bàn. Có hai phần:

1. Ngài Vô Cấu xưng khó nghĩ bàn, cho nên nói: “Con thấy Đại sĩ thật khó nghĩ bàn”.

2. Nói về thần lực khó nghĩ bàn, tức nói: “Tác dụng của thần lực, công đức không thể dùng số lượng tính toán, không thể dùng suy nghĩ mà lường; cũng như thế chẳng thể dùng lời khen ngợi, chẳng thể dùng tâm suy lường.” Vì tất cả đều là đường tâm tư. Do bốn nghĩa này mà chẳng thể trình bày tán dương được. Bản xưa ghi: “Chẳng phải ý có thể tính, chẳng phải suy nghĩ mà lường được.” Người chẳng phải ý có thể tính, sự việc chẳng phải suy nghĩ có thể lường.” Và lại độ tức là căn; người có căn cơ kém chẳng thể lường được hàng căn cơ cao hơn.

**Kinh:** *Bấy giờ, A-nan-đà... là mùi hương của ai.*

Tán: Đoạn thứ tư, nghe mùi hương kinh ngạc thưa hỏi, có bốn phần:

1. A-nan kinh nghi thưa hỏi.
2. Thu Tử giải thích.
3. Hỏi được bao lâu.

4. Tán tán nêu Phật sự.  
- Trong phần một lại có hai:

1. A-nan nghi hỏi.
2. Thế Tôn trả lời.

Đây là A-nan nghi hỏi.

**Kinh:** Phật bảo rằng... từ lỗ chân lông phát ra.

Tán: Đức Thế Tôn đáp.

**Kinh:** Bấy giờ, Xá-lợi Tử... cũng có mùi hương.

Tán: Thu Tử phụ giải thích, có ba:

1. Thu Tử đáp.
2. A-nan hỏi.
3. Thu Tử thuật lại.

Đây là văn thứ nhất. A-nan bạch Phật, Phật trả lời là từ lỗ chân lông của các Bồ-tát phát ra; Thu Tử chẳng được hỏi mà nói mình cũng có, bèn tự trình bày.

**Kinh:** A-nan-đà hỏi... do duyên gì mà có được?

Tán: Phần thứ hai, A-nan hỏi. Bồ-tát phát ra mùi hương ấy có thể do tu thành, còn ngài do nhân duyên gì mà có được?

**Kinh:** Xá-lợi Tử đáp... cúng dường cho đại chúng.

Tán: Thu Tử thuật lại. Đầu tiên thuật nguyên do thức ăn đến, sau là thuật nguyên do có mùi hương. Đây là phần đầu.

**Kinh:** Trong đó những người ăn món cơm này... đều phát ra mùi hương

Tán: Đây là nói về lý do có mùi hương.

**Kinh:** Bấy giờ, A-nan-đà hỏi... sẽ còn được bao lâu?

Tán: Thứ ba, hỏi còn được bao lâu, có bốn:

1. Hỏi hương còn bao lâu.
2. Trả lời đến khi cơm tiêu.
3. Hỏi bao lâu cơm tiêu.
4. Trả lời về thời gian cơm tiêu.

Đây là câu hỏi thứ nhất. Thời gian mùi hương còn tại thân lâu như thế nào?

**Kinh:** Vô Cấu Xưng nói... mùi hương ấy vẫn còn.

Tán: Trả lời đến khi cơm tiêu hết. Hương tùy theo cơm, cơm còn thì hương còn, cơm phát ra mùi hương, cơm tiêu thì hương hết.

**Kinh:** A-nan-đà nói... sẽ tiêu hết.

Tán: Thứ ba, hỏi bao lâu cơm tiêu.

**Kinh:** Vô Cấu Xưng nói... mà chẳng bị bệnh hoạn

Tán: Thứ tư trả lời về thời gian côm tiêu. Có ba:

1. Đáp chung.
2. Giải thích riêng.
3. Nêu dụ.

Đây là vấn đề thứ nhất. Thế lực của côm này cũng tùy thuận theo côm của thế gian, ở trong thân bảy ngày đêm mới tiêu. Nhưng do thế lực của đại bi tuy trải qua thời gian lâu chưa tiêu mà chẳng bị bệnh, chẳng đồng như món côm thế gian nếu trải qua bảy ngày đêm mới tiêu hóa hết thì sẽ sinh bệnh. Nói bảy ngày là tùy theo món côm thế gian, lấy số nhiều mà luận, chứ chẳng phải nhất định như thế, hoặc nhiều hoặc ít hơn không định. Như hàng Thanh văn lợi căn đắc quả phải trải qua sáu mươi kiếp, Bồ-tát từ phát tâm đến chứng vô sinh nhẫn ắt phải trải qua một đại a-tăng-kỳ kiếp, nếu chứng đắc rồi côm mới tiêu, há chỉ bảy ngày mà được quả Thanh văn ư? Chỉ bảy ngày được Vô sinh nhẫn ư? Ba đời mới đắc quả chẳng phải chỉ bảy ngày. Do đó cho nên biết, đây là tùy theo đa phần món côm thế gian mà luận là bảy ngày.

**Kinh:** *Cụ Thọ nên biết... sau đó mới tiêu.*

Tán: Giải thích riêng, gồm hai:

1. Được quả Thanh văn.
2. Được quả Bồ-tát.

Thanh văn có ba: Đây là nói từ phàm phu mà được kiến đế. Cụ thọ bản xưa dịch là Tuệ mạng và gọi A-nan-đà là Cụ Thọ. Hữu tình thế gian phần nhiều yêu thích thân mạng, nghe nói sống lâu thì ai chẳng sinh ham muốn vui vẻ. Người xuất gia phần nhiều thích trí tuệ, nghe nói đến trí tuệ thì ai mà không sinh hoan hỷ, cũng như thế gian yêu thích thân mạng vậy. Do đó bản dịch xưa gọi là Tuệ mạng. Đây đủ thọ mạng thế gian và mệnh trí tuệ xuất thế gian, chẳng thể nói riêng một bên nào. Mạng nay đã có đầy đủ nên gọi là Cụ thọ. Đã phát tâm Thanh văn chưa vào kiến đế, ăn rồi liền được vào, sau đó mới tiêu, nhanh nhất là ba đời chậm nhất là sáu mươi kiếp. Chánh tánh ly sinh thì như trước đã giải thích.

**Kinh:** *Người chưa lìa dục... sau đó mới tiêu.*

Tán: Thứ hai, từ kiến đế được lìa dục. Được ly dục tức quả bất hoàn.

**Kinh:** *Người chưa giải thoát... sau đó mới tiêu.*

Tán: Thứ ba, từ hữu học được vô học. Tâm giải thoát tức quả A-la-hán câu giải thoát, vì lìa các dục định chướng giải thoát và Niết-bàn tám giải thoát.

**Kinh:** Các người có chủng tánh Bồ-tát Đại thừa... sau đó mới tiêu.

Tán: Hiển thị được giai vị Bồ-tát, gồm có bốn: Đoạn này là nói từ phàm phu đầy đủ tánh Bồ-tát, cần phải phát tâm Đại thừa, sau đó cơm mới tiêu, ý nghĩa hiển rõ, nếu hàng vô tánh thì không được món cơm này, vì chẳng thể phát tâm. Tuy đầy đủ năm căn hữu lậu thế gian, nhưng đây là vì lợi ích xuất thế, cho nên những người ấy chẳng được. Ý nghĩa hiển thị rõ món cơm này có thể được cho hàng Bộ hành Độc giác, sau đó mới tiêu, giống như Thanh văn; vì phần nhiều họ chẳng gặp Phật cho nên chẳng nói đến. Giống như nói về hàng Thanh văn có chủng tánh được ăn món cơm này mà phát tâm, sau đó mới tiêu; văn đã lược không ghi, ý nghĩ thì ắt phải có như thế.

**Kinh:** Đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề... sau đó mới tiêu.

Tán: Thứ hai, người đã phát tâm. Cần phải được Sơ địa, vì mới được Vô sinh tức ở vị Sơ địa. Thứ ba, từ Sơ địa được Địa thứ tám, vì đầy đủ Bất thoái phải ở tại địa này. Thứ tư, từ Địa thứ tám đến Bồ xứ, Bồ xứ là vị nhất sinh sở hệ, cũng tức nhất sinh được ăn món cơm này rồi, đến thành Phật cơm mới tiêu. Nhưng thân Nhất sinh sống ở cõi Tri túc, món cơm này chẳng dùng cho thân nhất sinh, cho nên chẳng nói đến, hoặc nghĩa thì có mà văn thì lược bỏ không ghi.

**Kinh:** Cụ Thọ nên biết... sau đó mới tiêu.

Tán: Thứ ba là nêu dụ. Đầu tiên là nêu dụ, sau là hợp. Đây là dụ.

**Kinh:** Người ăn món cơm này... sau đó mới tiêu.

Tán: Đây là hợp. Món cơm như vị thuốc quý hoặc như các loại độc. Căn cứ theo pháp dụ này thì chỉ dụ cho việc đắc đạo đoạn trừ hoặc căn bản, chẳng dụ cho chủng tánh mới phát tâm... vì chưa đoạn hoặc. Hoặc dụ này dụ chung cho tất cả phục đoạn và chánh đoạn, vì tất cả đều gọi là trừ.

**Kinh:** A-nan-đà nói... làm các Phật sự.

Tán: Đây trở xuống là nói về Phật sự và tán thán, có hai phần:

1. A-nan khen ngợi.
2. Nói về Phật sự.

Đây là văn thứ nhất. Phật làm việc lợi lạc hữu tình, cho nên gọi là Phật sự.

**Kinh:** Phật liền nói rằng... làm các Phật sự.

Tán: Đây là nói về Phật sự. Có ba:

1. Ấn chứng cho việc luận về Phật sự.

2. Nêu những việc khác.

3. Thân Phật đồng dị.

Đây là văn thứ nhất. Như thế! như thế! Tức ấn chứng cho lời đã nói ở trước là nói Phật sự chắc hẳn như thế.

**Kinh:** *Bấy giờ, Đức Phật lại... làm các Phật sự.*

Tán: Nêu lên các việc khác, gồm có ba:

1. Nêu việc của Vô Cấu Xưng.

2. Hiện thị các cõi Phật khác.

3. Kết luận nói lợi ích.

Đây là đoạn văn thứ nhất.

**Kinh:** *Như thế ở mười phương thế giới các cõi Phật khác... mà làm Phật sự.*

Tán: Nêu cõi Phật khác; có mười bốn câu phân làm bốn:

1. Mười câu đầu nói về ngộ nhập khác biệt.

2. Hai câu kế nói về ngộ nhập ba tánh.

3. Một câu kế, nhân nơi lời nói mà ngộ đạo.

4. Một câu sau cùng, nhân vắng lặng mà chứng ngộ pháp, tất cả đều gọi là Phật sự.

Đoạn này có năm câu, do thấy ánh sáng hoặc xúc chạm ánh sáng mà các khổ tiêu trừ, tu duy được trí tuệ, diệt trừ tối tăm ngu si. Thấy cây Bồ-đề, tư duy sinh cây giác, khởi bốn Tâm vô lượng, che mát quần sinh. Thấy các Bồ-tát, phát tâm tu hành, mong cầu được giống nhau, như nghĩ đến Địa Tạng Bồ-tát mà chẳng nghĩ đến Phật Thích-ca. Thấy tướng quý và vẻ đẹp của Phật thì phát tâm vui thích, chán thân sinh tử, đạt quả lớn. Do thấy hóa nhân thì căn khí mới thành thực; biết thần dụng của Phật mới khởi nguyện ưa thích.

**Kinh:** *Hoặc có cõi Phật lấy y phục... làm Phật sự.*

Tán: Đoạn này gồm năm câu: Do thấy y phục mà khởi tâm hổ thẹn; do thấy ngọa cụ mà thích tu bốn thiền, phát khởi tịnh mạng; do thấy thức ăn uống mà tư duy cầu vị giải thoát của nước giác ngộ, vì ham thích pháp thực, do thấy vườn rừng, mà tu tập pháp tổng trì vô lậu; do thấy lầu đài, điện quán mà thích tu tập các cõi thắng diệu như tịnh độ...

**Kinh:** *Hoặc có cõi Phật lấy hư không... làm Phật sự*

Tán: Đoạn này nói về ngộ nhập ba tánh, có ba câu, gồm hai phần:

1. Nói riêng về ngộ nhập hai tánh.

2. Một câu sau nói về ngộ nhập y tha.

Đoạn này là nói ngộ nhập Biến kế sở chấp và biết viên thành

do quán hư không đều không có tánh tướng, ngộ nhập sinh và pháp sở chấp, hai ngã vô thể cũng thế. Do đó hữu tình điều phục đoạn chấp ngộ được hai tánh là không, đạt được lý nhị không.

**Kinh:** *Hoặc có cõi Phật vì các hữu tình... mà làm Phật sự.*

Tán: Đây là nói về nhập y tha. Do duyên thuyết mười dụ là huyền... chẳng phải có tựa như có, đối gạt kẻ ngu, nhờ vào các nhân duyên này mà nhập vào y tha.

**Kinh:** *Hoặc có cõi Phật dùng âm thanh... làm Phật sự.*

Tán: Đây là một câu nói về việc nhờ nơi ngôn ngữ mà ngộ đạo. Nghe nói thật tánh các pháp liền thấu rõ viên thành, nghe nói tướng tục để liền biết y tha. Đã biết hai đế thì ngộ được sở chấp là không, chỉ có cảnh tướng, thì liền biết được Biến kế sở chấp. Gọi đó là nhập ba tánh, vì giải thích ba tánh này.

**Kinh:** *Hoặc có cõi Phật thanh tịnh im lặng... mà làm Phật sự*

Tán: Đây là một câu cuối cùng, nhân nơi vắng lặng mà ngộ pháp. Do thấy cõi Phật im lặng thanh vắng, không nói ác, không nói thiện, không quở trách, không khen ngợi, không tư duy, không tìm cầu các pháp, cũng không hý luận phân biệt các pháp, không biểu thị, không chỉ bày, nên ngộ bản tánh tánh tướng các pháp tịch mặc, thể lìa đường ngôn ngữ, trên cảnh tâm tư; hoặc trước cho rằng nhờ lời nói mà ngộ thể tục đế, ở đây nhân nơi vắng lặng ngộ Thắng nghĩa đế.

**Kinh:** *Như thế nên biết... cũng vô số lượng.*

Tán: Kết luận nói lợi ích tốt đẹp, gồm có bốn:

1. Nói Phật sự rất nhiều.
2. Nói động dừng đều lợi ích.
3. Nói nguyên do nhiều.
4. Khuyến nêu đạo lý.

Đây là văn thứ nhất. Vì thế giới vô lượng, nên cõi Phật vô biên, chư Phật đã vô biên thì việc lợi ích cũng vô số.

**Kinh:** *Tóm lại... đều gọi là Phật sự.*

Tán: Đây là nói động dừng đều có lợi ích. Đi đứng nằm ngồi gọi là oai nghi. Hoặc đi hoặc đứng gọi là tấn chỉ, theo duyên lãnh nạp các cảnh gọi là thọ dụng, phạm có phát khởi tạo tác thì gọi là thi vi, chẳng thể nói hết được. Tóm lại tất cả những việc như thế, đều khiến cho chúng sinh được hóa độ điều phục; điều tức sinh trưởng thiện căn, phục tức chế phục đoạn ác; vì thế tất cả đều gọi là Phật sự. Như hỏi A-nan trời sẽ mưa chẳng? Biết mà còn hỏi là muốn khiến cho người khác xét kỹ sự việc. Phật biết mà còn hỏi, hà huống gì chúng ta, cho nên tất cả



đều là Phật sự.

**Kinh:** *Lại như bốn ma, tám mươi bốn ngàn phiền não ở thế gian... mà làm Phật sự.*

Tán: Đây là nói có nhiều nguyên do, tám mươi bốn ngàn pháp môn, kinh Hiền Kiếp ghi: “Bấy giờ, có Bồ-tát tên là Hỷ Vương, ngồi im lặng tư duy, trải qua bảy ngày rồi đến chỗ Phật bạch rằng: Bạch Thế Tôn nên thực hành Tam-muội gì mà mau chứng được pháp môn? Phật dạy Hỷ Vương rằng: Có môn Tam-muội tên là Liễu chư pháp bản tế, các Bồ-tát thực hành rồi, mau chứng nhập tám mươi bốn ngàn pháp môn”. Như từ ánh sáng tối thặng cho đến cuối cùng phân bố thân Phật có ba trăm năm mươi, mỗi mỗi đều thực hành sáu Ba-la-mật, thành hai ngàn một, như trong kinh kia, mỗi mỗi đều nói riêng về tướng của sáu độ. Hai ngàn một này mỗi mỗi đối trị với tham sân và si, mỗi mỗi lại tăng đến ba đẳng phần. Bốn loại này trong tâm hành của hữu tình tổng thành tám ngàn bốn trăm, mỗi mỗi lại đối trị với các lỗi trong bốn đại và sáu vô nghĩa sinh ra, như thế tổng cộng thành tám mươi bốn ngàn. Sáu vô nghĩa tức là sáu cảnh, vì chẳng sinh nghĩa lợi cho nên gọi là vô lợi. Do chúng sinh có tám mươi bốn ngàn căn cơ, cho nên bệnh khởi cũng có tám mươi bốn ngàn, trị bệnh cũng có tám mươi bốn ngàn phương, hạnh hay đối trị cũng có tám mươi bốn ngàn. Hạnh đã có tám mươi bốn ngàn thì pháp môn được nói ra cũng có tám mươi bốn ngàn. Chúng sinh đã bị bốn ma nhiễu loạn, tám mươi bốn ngàn phiền não nhiễu loạn, thì Như Lai tức lập bày các Phật sự để đối trị các pháp ấy. Phật sự vốn để đối trị bệnh mê hoặc, thích ứng với căn cơ hữu tình.

**Kinh:** *Ông nay nên biết... tất cả Phật pháp.*

Tán: Thứ tư, khuyên chỉ bày đạo lý. Có bốn:

1. Nêu lên việc chỉ bày ngộ nhập.
2. Khuyên trừ việc thuận nghịch.
3. Khiến sinh tin thích.
4. Giải thích để thành tựu nghĩa trước.

Đây là văn thứ nhất. Hay biết pháp cao tột nên gọi là ngộ nhập tất cả Phật pháp. Ngộ biết Phật pháp vốn để lợi sinh. Năng thuyên sở thuyên, năng trị sở trị, năng sinh sở sinh, không ngoài cách giải thích ở trước.

**Kinh:** *Nếu các Bồ-tát... chẳng sinh lo buồn sân hận.*

Tán: Khuyên trừ tâm thuận nghịch. Thấy tịnh độ thuận với mình chớ nên sinh vui mừng mà khởi tâm tham trước, thấy cõi tạp uế trái nghịch với mình chớ sinh lo buồn mà khởi sân hận. Tịnh và uế đều lợi

lạc.

**Kinh:** Ở chỗ của tất cả chư Phật phát sinh... khen là điều chưa từng có.

Tán: Đoạn thứ ba, khiến sinh tin thích. Chớ khởi tâm hạ liệt, nên phát sinh tâm tin thích thượng phẩm.

**Kinh:** Chư Phật Thế Tôn... cõi Phật khác nhau.

Tán: Giải thích để thành tựu nghĩa trước. Mười phương chư Phật công đức đều như nhau, vì đều được tánh chân như bình đẳng. Và lại Sơ địa trở lên đã được ba bình đẳng là Phật, Bồ-tát và tất cả hữu tình. Công đức của thân chư Phật đều đồng nhau, hai hạnh của Bồ-tát đồng nhau, đại bi đối với chúng sinh đồng nhau, vì “không” và không có thật ngã đều đồng nhau. Và lại đã đạt được mười loại tánh bình đẳng:

1. Chứng đắc các pháp tăng thượng ái lạc.
2. Xa lìa dị tướng và phi tướng.
3. Lãnh thọ tất cả duyên khởi.
4. Đại Từ cứu khổ tất cả.
5. Đại bi không đối đãi.
6. Thị hiện tùy theo sự ưa thích của chúng sinh.
7. Tất cả hữu tình đều kính nhận điều đã nói ra.
8. Thế gian vắng lặng đều đồng một vị.
9. Khổ vui của thế gian đều đồng một vị.
10. Gieo trồng vô lượng công đức rất ráo.

Do chứng chân như, đạt ba và mười bình đẳng, cho nên tất cả công đức của Phật đều bình đẳng, chớ nên sinh các ý tưởng thuận nghịch như lo buồn vui thích, tham sân... chỉ vì chúng sinh mà hiện cõi tịnh uế, chẳng phải pháp không bình đẳng mà cõi nước có tịnh uế. Gốc thì đồng mà ngọn thì khác.

**Kinh:** Ông nay nên biết!... đều không sai biệt.

Tán: Đoạn thứ ba nói về thân Phật đồng dị. Do nơi cõi đồng và dị cho nên phải nói đến thân. Toàn văn gồm có hai:

1. Nêu dụ hiển nguyên do đồng dị.
2. Nói rộng về tướng bình đẳng của pháp thuyết.

Trong phần đầu lại có hai:

1. Dụ.
2. Pháp.

Đây là dụ. Tuy cõi đất y cứ có hơn kém khác nhau, như vàng bạc tịnh uế tướng có khác nhau, nhưng hư không ở trên đều chẳng sai biệt.

**Kinh:** Như thế nên biết... đều không sai biệt

Tán: Ứng vật hiện thân, nhiều loại khác nhau, hợp với dụ nghĩa “cõi đất sở y tuy có hơn kém” nói trên. Trí tuệ vô ngại, rốt ráo không cùng tận, đầy đủ không thiếu sót, tất cả đều không sai biệt, hợp với dụ hư không phía trên vô tận cũng không thiếu khuyết”. Phước tuệ tựa như thế, cho nên lấy làm dụ. Thân tha thọ dụng và thân biến hóa đều vì chúng sinh mà hiện nên có các loại khác nhau, nhưng thân tự thọ dụng thì tất cả đều bình đẳng, vì chứng được pháp thân chân như bình đẳng.

**Kinh:** Ông nay nên biết tất cả Như Lai đều bình đẳng

Tán: Đây là nói rộng về tướng bình đẳng của pháp thuyết. Văn gồm có bốn:

1. Phật đức bình đẳng.
2. Danh hiệu bình đẳng.
3. Khen ngợi sự sâu xa.
4. A-nan tự khiêm xin lui.

Đoạn thứ nhất lại có hai:

1. Nêu lên.
2. Giải thích.

Đây là đoạn nêu lên.

**Kinh:** Cái gọi là hình sắc oai quang tối thượng, châu viên, vô cực...

*Phật pháp bất cộng.*

Tán: Đoạn này là hiển thị về bình đẳng. Tối thượng tức là bậc nhất; châu viên tức cùng khắp mười phương; vô cực tức về sau vô tận. Ba câu này chung cho các câu kể riêng biệt nêu ở sau, mỗi mỗi đều thông với các câu sau. Trong các câu nói riêng kể dưới đây thì phần thứ nhất nói về nội đức, phần kế nói về ngoại đức, phần sau nói về hai đức.

Đây là phần đầu gồm có chín:

1. Nói về hình lượng và sắc.
2. Oai quang.
3. Tướng hảo.
4. Chủng tánh.
5. Tôn quý.
6. Năm uẩn thanh tịnh.
7. Các lực.
8. Vô úy.
9. Phật pháp bất cộng.

Chín điều này đều tối thượng, châu viên và vô cực. Năm việc trước nói về thân..., bốn việc sau nói về đức...

**Kinh:** Đại Từ, đại bi... oai nghi sở hành.

Tán: Đây là nói riêng về ngoại đức, gồm bảy việc:

1. Đại Từ.
2. Đại bi.
3. Đại Hỷ.
4. Đại Xả.
5. Lợi ích.
6. An lạc.
7. Oai nghi sở hành.

Bốn vô lượng thì chung cho ba thừa phàm Thánh, hữu lậu vô lậu, tưởng giả thật, nhưng chỉ quán ở cõi Dục chẳng chung cho cõi Vô sắc. Ở đây nói “đại” là riêng cho bậc Thánh chẳng có phàm, chỉ riêng cho Đại thừa chẳng có Tiểu thừa, chỉ vô lậu chẳng phải hữu lậu, chỉ là thật tướng quán chẳng phải là giả tướng, duyên chung ba cõi, chỉ có Phật mới khởi, vì cảnh đại, hạnh đại và lợi lạc đại, vì thế đặc biệt nêu từ đại. Lợi ích thì nhiếp thọ pháp thiện, an lạc thì xa lìa pháp ác; lợi ích thì lìa khổ. An lạc thì ban vui. Các môn như thế có mười nghĩa riêng như Duy Thức Sở đã nói. Oai nghi tức là các phương tiện lợi lạc như đi đứng, nằm ngồi. Sở hành tức chỗ thực hành của Phật, nghĩa là cảnh du hóa.

**Kinh:** Chánh hạnh thọ lượng... tất cả đều bình đẳng.

Tán: Hiển bày hai đức, gồm sáu câu:

1. Chánh hạnh ba nghiệp.
2. Thọ lượng, tức tùy cõi chúng sinh mà thọ lượng vô tận.
3. Thuyết pháp.
4. Độ thoát khiến lìa khổ.
5. Thành thực, khiến được quả xa lìa; trên là nói về nội thân.
6. Nói về tịnh độ; như thế tất cả đều bình đẳng.

Do xưa tạo nhân, đúng thời gặp duyên, siêng năng ý lạc chứng được chân pháp tánh, ba và mười bình đẳng đều được bình đẳng, đến nay đắc quả thì hai pháp trong ngoài, trong thân ngoài cõi nước, tất cả đều không sai biệt.

**Kinh:** Vì các Như Lai... gọi là Phật-đà.

Tán: Thứ hai, danh hiệu bình đẳng. Vì các Phật pháp là tối thượng cùng khắp, rốt ráo vô tận, vô tận tức vô cực, hai nghĩa như nhau, tên cũng giống nhau. Một là đồng tên là Tam-miệu Tam-Phật-đà nghĩa là Chánh đẳng giác. Tam tức là Chánh, miệu tức là Đẳng, Phật-đà tức Giác giả. Nên nói là Chánh giác. Đẳng giác giả, chánh giác giả gọi chung là chánh đẳng giác giả. Chánh giác tức phân biệt với phàm phu vì

phàm phu là tà giác. Đẳng giác tức phân biệt với Nhị thừa, Nhị thừa chỉ biết tánh không vô ngã, chỉ biết sinh không vô ngã, chỉ biết pháp. Và lại giác pháp là phân biệt với Bồ-tát, Bồ-tát tuy chánh đẳng giác nhưng chưa chân chánh viên mãn giác ngộ các pháp. Hai từ chánh đồng nhau nên gọi chung là Chánh đẳng giác. Đồng tên với Đạt-tha-yết-đa, Hán dịch là Như Lai. Kinh Niết-bàn ghi: “Như quá khứ chư Phật thực hành ba mươi bảy phẩm, mười một không... mà đến (lai) Niết-bàn cho nên gọi là Như Lai”. Như người mà tu hành, như người mà chứng lý, đạt đến (lai chứng) Niết-bàn, nên gọi là Như Lai. Phật-đà tức giác giả (người giác ngộ), có đầy đủ Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, có thể tự giác ngộ, cũng có thể làm cho tất cả hữu tình được giác ngộ. Như tỉnh mộng, như sen nở, tự giác giác tha, giác là hạnh viên mãn, cho nên gọi là Phật-đà. Phật có mười hiệu nhưng ở đây chỉ kể ba tức chánh đẳng giác là trí đức, vì giác ngộ các pháp; Như Lai là đoạn đức vì đã đoạn tất cả các phiền não, hiển thị chân lý đoạn nên gọi là đoạn đức; Phật-đà tức ân đức vì khiến cho người khác giác ngộ. Và lại ba hiệu này là bậc nhất cho nên được nêu lên.

**Kinh:** Ông nay nên biết!... cũng chẳng thể hết được.

Tán: Thứ ba, khen ngợi pháp sâu xa, có bốn:

1. Lược nói chung về thuyết pháp khó cùng tận.
2. Dẫn có chỉ bày thấy nghe cũng khó cùng tận.
3. Chỉ có Phật lực mới có thể nói hết.
4. Tổng kết để thành tựu đức biện biệt khó nghĩ bàn.

Đây là văn thứ nhất.

**Kinh:** Giả sử tam thiên... cũng chẳng thể tận.

Tán: Dẫn cho chỉ, bày, thấy, nghe cũng chẳng tận. Niệm tức nhớ rõ; tổng trì nghĩa là nghe văn nghĩa giữ gìn không để quên sót, đa văn tức nghe tất cả ba tạng, nghe lâu tích tập.

**Kinh:** Chánh đẳng giác này... chỉ trừ chư Phật.

Tán: Chỉ có chư Phật mới nói hết. Trừ Phật, còn tất cả những hàng khác chẳng thể nói rốt ráo đủ ba nghĩa; tuyên dương tức ngôn thuyết; quyết trạch tức tuệ rõ biết.

**Kinh:** Như thế nên biết... chẳng thể nghĩ bàn.

Tán: Đây là đoạn tổng kết thành tựu đức biện biệt khó nghĩ bàn. Công đức đã vô lượng thì biện biệt kỳ diệu cũng khó nghĩ suy, Bồ-đề vô lượng, cho nên có thể quyết trạch; biện biệt khó nghĩ suy, cho nên hay tuyên thuyết.

**Kinh:** Nói lời này xong... đa văn bậc nhất.

Tán: Thứ tư, A-nan tự khiêm xin thoái lui.

1. Khiêm nhường xin lui.
2. Phật ngăn.

Đây là phần thứ nhất.

Đối với ba nghĩa này, nghe lâu mà chẳng biết, xưa gọi là đa văn nay lại thành kém hiểu biết, cho nên xin thoái lui, chẳng dám lãnh danh hiệu đệ nhất.

**Kinh:** Đức Phật liền nói... chẳng phải đối với Bồ-tát.

Tán: Phật ngăn, có ba ý:

1. Để hợp với xưa gọi là đa văn đệ nhất.
2. Ngăn chặn chung chẳng nên suy lường với hàng cao tột.
3. So sánh hơn kém.

Đây là văn đầu.

**Kinh:** Ông nay hãy thôi... không thể suy lường.

Tán: Ngăn chặn chung. Tổng kết để thành nghĩa chẳng nên suy lường với hàng cao hơn, theo văn có thể biết.

**Kinh:** Thanh văn các ông... không thể bằng được.

Tán: So sánh hơn kém. Ông chớ nên suy nghĩ đến tất cả cảnh giới của Bồ-tát, vị thấp mà suy lường vị trên cao thì chẳng đến, vì căn cơ, giai vị, nhân độ đều sai khác. Ông Vô Cấu Xưng, trước một bữa cơm đã làm các việc như đặt tòa, xin cơm, dọn thất, tiếp khách đã nêu trên, đó là do thần lực hóa hiện, hàng Nhị thừa dù trong một trăm ngàn kiếp thực hành cũng chẳng thể bằng được. Bạc Bồ-tát giải thoát, đã chẳng phải cảnh khác thì chẳng thể so sánh, vì đó là cảnh thần thông.

**Kinh:** Bấy giờ, các Bồ-tát ở phương Tây... xả bỏ tâm này.

Tán: Đoạn thứ ba, Bồ-tát khen ngợi để xin trở về, gồm ba phần:

1. Tán thán sám hối xin được nghe pháp.
2. Phật nói rộng.
3. Hoan hỷ cúng dường khen ngợi cao đức mà trở về.

- Trong phần một lại có hai:

1. Nêu lên.
2. Giải thích.

Đây là đoạn nêu lên. Vốn trụ tại cõi nước Hương, nay thấy cõi uest thì sinh ý tưởng cho là thấp kém, bấy giờ nghe được lý vi diệu, nên tâm sám hối. Vốn cho rằng thân Đức Thích-ca kém xấu cõi nước dơ uế, nên sinh ý tưởng cho là thấp kém, cho thấp kém hơn cõi Phật Diệu Hương. Đâu biết nội đức của thân Phật và thật tịnh độ hôm nay vốn xưa nay bình đẳng, vì loài hữu tình mà hiện thân và cõi nước khác nhau, do đó

mà hối lỗi tâm trước kia, sinh hổ thẹn.

**Kinh:** *Vì sao?... thị hiện cõi Phật.*

Tán: Đây là giải thích việc sám hối hổ thẹn nêu trên, cảnh giới Phật khó nghĩ suy, vì loài hữu tình. Lúc bấy giờ tôi không thể suy lường được cho nên phát lòng sám hối. Như hữu tình, nghĩa là ý thích của hữu tình chẳng phải là một. Như thế! Như thế! Nghĩa là nói việc làm lợi lạc của Phật cũng chẳng phải một. Tùy các sự ưa thích của hữu tình mà chư Phật thị hiện các loại thân và cõi nước. Ta trước kia chẳng hay biết, cho nên sinh ý tưởng cho là thấp kém, nay biết rồi thì sinh hổ thẹn sám hối.

**Kinh:** *Thưa vâng, bạch Thế Tôn!... thường nghĩ đến Như Lai.*

Tán: Đây là xin nghe pháp. Thấy vật mà nghĩ đến người, là việc thường tình ở thế tục, huống gì nghe diệu pháp mà chẳng nghĩ đến Như Lai ư?

**Kinh:** *Nói những lời này xong... nên siêng năng tu học.*

Tán: Phật nói rộng, có hai:

1. Tổng.
2. Biệt.

Đây là phần tổng. Pháp giải thoát tức lý vô vi. Các pháp vô lậu xa lìa các phiền não nên gọi là giải thoát. Môn tức là giáo, giáo hay hiển thị nghĩa, cho nên gọi là môn.

**Kinh:** *Thế nào gọi là hữu tận vô tận?*

Tán: Đây là phần biệt, gồm có ba:

1. Giải thích hai nghĩa khiến cho tận bất trụ.
2. Nói rộng về hai nghĩa bất tận bất trụ.
3. Kết luận hai nghĩa bất tận bất trụ, khuyên siêng năng tu học.

- Phần đầu lại có ba:

1. Hỏi.
2. Giải thích.
3. Khuyên nên bất tận bất trụ.

Đây là đoạn thứ nhất.

**Kinh:** *Nói hữu tận... pháp vô sinh diệt.*

Tán: Giải thích hai tướng. Tận có hai nghĩa:

1. Sát-na tận diệt.
2. Sau cùng tận diệt.

Hữu vi thì hữu tận, vô vi thì vô tận.

**Kinh:** *Bồ-tát chẳng nên... trụ nơi vô vi.*

Tán: Khuyên Bồ-tát chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi, khiến chẳng

tận hữu vi tức là diệt tận hữu vi mà chẳng sinh khởi. Vì Bồ-tát thường tu hạnh hữu vi nên gọi là chẳng nên tận diệt hữu vi. Chẳng rốt ráo trụ ở Niết-bàn vô vi, thường ở nơi sinh tử giáo hóa chúng sinh. Đây là hiển thị chẳng trụ đạo Niết-bàn, hoặc là hai bên hiển nghĩa trung đạo.

**Kinh:** *Vì sao Bồ-tát chẳng nên tận hữu vi?*

Tán: Phần nói rộng hai nghĩa chẳng tận chẳng trụ, gồm có ba:

1. Nói riêng về nghĩa chẳng tận hữu vi.
2. Nói riêng về nghĩa chẳng trụ vô vi.
3. So sánh để luận về hai nghĩa.

- Trong phần một lại có ba:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Kết luận.

Đây là câu hỏi.

**Kinh:** *Nghĩa là các Bồ-tát... chẳng bỏ đại bi.*

Tán: Đây là lời đáp, gồm hai:

1. Nói về ý chẳng tận.
2. Nói về tướng chẳng tận.

Đây là lời văn thứ nhất. Vì sao chẳng diệt tận hữu vi mà lại khởi tác dụng? Vì Bồ-tát chẳng bỏ từ bi, thường ở nơi sinh tử giáo hóa chúng sinh. Câu “chẳng bỏ Từ bi” chung cho các câu sau. Do chẳng bỏ hai việc trên, cho nên có các việc kể sau.

**Kinh:** *Từng sinh khởi... mà chẳng tạm quên.*

Tán: Nói về tướng chẳng tận, gồm năm mươi lăm câu, bản xưa chỉ có năm mươi câu. Đây là câu đầu. Đối với tâm được Nhất thiết trí thì tăng thượng ý lạc, giữ gìn chớ để quên sót. Các giai vị này chẳng nên phối hợp riêng, chỉ nên giải thích chung, hoặc các hạnh này đều là Thập địa, vì chẳng bỏ Từ bi, vì đều nói là đại. Tăng thượng ý lạc nói là từng sinh khởi. Nếu trước mười Địa thì ý tăng thượng ở ngay tại vị ấy mà chẳng nói là “từng”. Do đó nên biết chỉ là nói đến mười Địa.

**Kinh:** *Thành thực hữu tình... rốt cuộc không bao giờ chán.*

Tán: Đoạn này gồm bốn câu:

1. Lợi sinh không mỗi một.
2. Chẳng bỏ bốn nhiếp.
3. Hộ trì chánh pháp.
4. Đối với pháp thiện thì không bao giờ chán.

**Kinh:** *Thường an lạc... không sợ sệt.*

Tán: Đoạn này gồm năm câu:



1. Các pháp thiện đã tu tập thì luôn hồi hướng.
2. Cầu pháp không biếng trễ.
3. Nói pháp không bao giờ rút lại, quyện tức là co, rút lại, cứ một bề ban phát, không tham tiếc.

4. Chiêm ngưỡng cúng dường Phật.

5. Chẳng sợ sinh tử.

Tổng cộng trên là mười câu.

**Kinh:** *Tuy gặp hưng suy... chẳng đắm nhiễm.*

Tán: Đoạn này gồm năm câu:

1. Tám gió thổi chẳng động; hưng suy chẳng vui thích sầu lo.
2. Chẳng khinh người chưa học, vì biết đâu về sau sẽ hơn mình.
3. Thương kính người đã học như Phật.
4. Đối với tất cả hữu lậu phiền não tạp uế thì nên tư duy như lý, chẳng tùy theo nó mà tăng trưởng.

5. Chẳng đắm nhiễm Niết-bàn.

**Kinh:** *Đối với việc mình ưa thích... phát sinh ý tưởng là bạn tốt*

Tán: Đoạn này gồm năm câu:

1. Điều mình ưa thích thì chẳng đắm trước.
2. Điều người ưa thích thì chẳng nên khinh ghét.
3. Chẳng đắm nơi thiên định.
4. Tuy dạo đi nơi ba cõi, năm đường, bốn sinh mà thường thực hành việc giáo hóa, như dạo chơi nơi thượng uyển, vô cùng vui thú, chẳng nhằm chán xa lìa.

5. Thấy người cầu xin đến thì nghĩ đó là bạn tốt quý, thành tựu đại nghiệp Bồ-đề cho mình. Đến đây tổng cộng là hai mươi câu.

**Kinh:** *Xả bỏ các vật sở hữu... chẳng khiến rối ráo.*

Tán: Đoạn này gồm năm câu:

1. Thích thí xả không bỏn sẻn.
2. Đối với trí thì luôn hồi hướng.
3. Cứu hộ kẻ phạm giới.
4. Chóng viên mãn các độ, trọng như cha mẹ.
5. Ba mươi bảy phẩm, như sự giúp đỡ ở thế gian, hỗ trợ cho ta thành tựu chánh đạo, chẳng phải như Nhị thừa, tu tập khiến đến rối ráo.

**Kinh:** *Đối với các pháp thiện... không ngại, bố thí vô hạn*

Tán: Đoạn này gồm năm câu:

1. Thường siêng năng tu thiện.
2. Thích trang nghiêm cõi Phật.

3. Thích khen tặng cõi Phật.

4. Chóng thành tựu cõi Phật. Bản xưa ba câu này hợp làm một câu.

5. Vì việc đầy đủ các tướng quý và vẻ đẹp nên tu hạnh vô ngại bố thí.

Từ trên đến đây tổng cộng là ba mươi câu.

**Kinh:** Là thân, ngữ, tâm... phiền não như phần hận.

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Trì giới, nghiêm giữ ba nghiệp.

2. Nhẫn chịu, giữ vững thân tâm. Bản cũ ghi là “ý”, mà có dưng.

**Kinh:** Vì làm cho việc tu tập... dao gậy, Bát-nhã.

Tán: Đoạn này gồm ba câu:

1. Lưu chuyển sinh tử để tu tập viên mãn; bản dịch xưa ghi là “sinh tử vô số kiếp” thì văn lược nhưng ý vẫn đầy đủ, nên theo bản mới mà giải thích. Nhưng câu này là căn cứ theo câu trước, câu trước căn cứ theo câu sau.

2. Nghe pháp tâm kiên cố.

3. Tu tuệ đoạn phiền não; Bát-nhã như dao gậy, không chế ngăn dứt các oán giặc phiền não.

Sáu câu trên là nói về sáu độ.

**Kinh:** Vì muốn gánh vác... cầu trí giáo hóa thiện xảo.

Tán: Đoạn này gồm ba câu:

1. Trí tuệ biết rõ ba khoa gánh vác cho hữu tình. Độ được hữu tình, biết chỉ có pháp mà thôi, cho nên gọi là gánh vác.

2. Tinh tấn hàng phục các ma, ma tức bốn ma. Bốn ma này tức là quân ma, hoặc có mười quân ma, như ngài Long Thọ đã nói. Dục là quân ma thứ nhất của ông, ưu sầu là quân thứ hai; đói khát là quân thứ ba, khát ái là quân thứ tư, thù miên là quân thứ năm, kinh sợ là quân thứ sáu, nghi hối là quân thứ bảy, sân nhuế là quân thứ tám, lợi dưỡng là quân thứ chín, tự cao khinh người là quân thứ mười. Các quân như thế làm chìm đắm người xuất gia. Ta dùng sức thiền trí phá các quân của ông để thành được Phật đạo, độ thoát tất cả người khác.

3. Xa lìa ngã mạn, cầu trí hóa đạo khéo léo, vì hộ trì chánh pháp, chẳng tự cống cao, khéo cầu trí lợi tha; đối với chánh pháp của Phật có thể giữ gìn được. Bản dịch xưa ghi: thường cầu trí tuệ thật tướng vô niệm. Chánh trí vô lậu không có suy nghĩ gọi là vô niệm, chớ chẳng phải không có tâm niệm.

**Kinh:** Vì các thế gian... tất cả thế giới.

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Thường ham muốn ít chẳng mong cầu nhiều, biết đủ chẳng cầu, tu hành tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân, đó là vì muốn thế gian yêu mến tôn trọng thân mình, mà thọ nhận sự giáo hóa. Nếu mong cầu nhiều thì người thế gian chẳng kính trọng, chẳng thọ nhận giáo hóa.

2. Tuy thuận thế gian mà chẳng nhiễm pháp thế gian. Từ trên đến đây là bốn mươi câu.

**Kinh:** *Đối với các oai nghi... chánh niệm tổng trì.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu:

1. Thị hiện tất cả các việc làm như sát... mà vẫn giữ gìn oai nghi.

2. Phát thân thông khởi tuệ, lợi lạc hữu tình.

3. Giữ gìn pháp đã được nghe mà khởi tuệ niệm.

**Kinh:** *Phát sinh các căn... thường không trệ ngại.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Phát sinh diệu trí biết rõ các căn hơn kém. Vì đoạn nghi hoặc nên ứng theo căn cơ mà thuyết.

2. Chứng vô ngại biện, thuyết pháp không ngăn trệ.

**Kinh:** *Vì thọ nhận hỷ lạc thù thắng của trời người... bốn trí vô lượng.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Tu mười thiện, vì thọ nhận hỷ lạc.

2. Tu bốn vô lượng, mở đường Phạm thiên. Người sinh vào Phạm thiên thì do tu tập bốn vô lượng; vô lượng chính là nhân lộ của Phạm thiên, khiến người tu vô lượng gọi là mở đường Phạm thiên, bắt tất phải sinh vào cõi Phạm thiên.

**Kinh:** *Vì được chư Phật... tâm không nhiễm không dính mắc.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu:

1. Được âm thanh Phật, khuyên người thuyết pháp, tùy hỷ với điều thiện của người, khen rằng: Lành thay!

2. Vì được oai nghi Phật là do tu tập ba nghiệp vắng lặng.

3. Vì tu tập pháp thù thắng, nên đối pháp không bị nhiễm trước.

Đến đây là năm mươi câu.

**Kinh:** *Vì khéo điều ngự... khuyên chúng sinh tu học.*

Tán: Đoạn này một câu, khuyên học Đại thừa, điều phục các Bồ-tát.

**Kinh:** *Vì chẳng mất... các đại nguyện.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Luôn chẳng buông lung, thì công đức chẳng mất.

2. Thường tu diệu nguyện thì thiện căn tăng trưởng, vì do nguyện sách tấn.

**Kinh:** *Vì muốn trang nghiêm... phượng tiện thiện xảo.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Tu thiện căn để trang nghiêm cõi Phật.

2. Tu thiện xảo, chỗ tu tập vô tận đều hồi hướng đến trí Phật, cho nên pháp thiện chẳng cùng tận.

Nếu chẳng thế, quả của sự tu tập sẽ cùng tận. Năm câu cuối đã xong. Bản dịch xưa, trước câu nói về cõi Phật thiếu hai câu và thiếu ba câu này cho nên chỉ có năm mươi câu.

**Kinh:** *Này các thiện nam!... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Thứ ba, kết luận.

**Kinh:** *Thế nào là Bồ-tát chẳng trụ vô vi?*

Tán: Đây là đoạn thứ hai giải thích chẳng trụ vô vi, có ba phần:

1. Hỏi.

2. Đáp.

3. Kết luận.

Đây là lời hỏi.

**Kinh:** *Nghĩa là các Bồ-tát... chẳng thích chứng ngộ.*

Tán: Đây là lời đáp, gồm hai mươi mốt câu. Bản xưa chỉ có mười chín câu, cũng chung cho việc tu tập, chẳng cần phải phối hợp riêng phàm Thánh, giai vị cao thấp. Đoạn này gồm ba câu: Hành tức là duyên theo giác, chứng tức thâm hội. Tuy thực hành ba pháp này, nhưng trí chưa tốt ráo, chỉ thâm hội ba, chẳng đồng Nhị thừa trụ trong ba pháp này. Ba cảnh ở đây đều chỉ giữ lấy vô vi, chẳng phải là rốt ráo chứng vô vi nên gọi là chẳng trụ.

**Kinh:** *Tuy hành vô tác... cho nên ý thọ sinh.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu. Tác nghĩa là tạo tác, tức do nhân duyên hòa hợp mà tạo tác, thể của nó là hữu vi. Tuy hành pháp vô vi vô tác mà chẳng thích chứng ngộ; tuy quán hữu vi nhưng cuối cùng lại diệt tận vô thường. Đối với pháp thiện chẳng nhằm chán, quán lý khổ, cho nên được tùy ý thọ sinh làm lợi lạc tất cả. Lý vô thường, khổ, không, vô ngã của Đại thừa thì đã giải thích ở phẩm Thanh Văn.

**Kinh:** *Tuy thích quán xét... nhằm chán thân tâm.*

Tán: Đoạn này gồm bốn câu: Quán tự thân vô ngã, chẳng nhằm chán thân, chẳng vào Niết-bàn, quán người chẳng phải là hữu tình, nên giáo hóa người không mỗi một. Tuy quán Niết-bàn mà chẳng vĩnh viễn tịch diệt, vì còn hóa độ hữu tình. Tuy quán chân như xa lìa thân khổ

hoạn mà được an lạc; chẳng chán nhàm thân tâm vì nguyện cùng tận sinh tử, độ các hữu tình.

**Kinh:** *Tuy thích quán sát... việc lợi ích chúng sinh.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu; A-lại-da tuy đầy đủ ba tầng, nay lấy nghĩa năng chấp tàng. Không có A-lại-da thì không có nghĩa năng chấp tàng, tuy không có thể năng chấp tàng thì cũng vẫn có pháp năng tàng tức pháp trong trắng cất giữ giáo Đại thừa. Trong mười đức của kinh thì đức thứ tám là thanh tịnh, thứ chín là trắng trong. Thanh tịnh, vì tự tánh giải thoát; pháp được thuyết ra, trong một sát-na cũng không có lỗi lầm, lia các gốc của ba độc, lia các sự trói buộc cho nên tánh giải thoát chẳng phải có ba độc mà khởi thuyết pháp. Trắng trong vì tương tục giải thoát, chẳng phải chỉ một niệm không có lỗi, mà tương tục thuyết pháp cũng không có lỗi. Vả lại pháp thể thanh tịnh nói ở trước xa lia các lỗi, trong đó tánh trắng trong có thể làm cho thân của hành giả trắng trong. Tuy quán sinh tử vĩnh viễn tận, không có thể năng chấp tàng, mà chẳng bỏ pháp thanh tịnh trong trắng, giáo hóa chúng sinh. Tuy quán lý vô sinh mà thường gánh vác việc lợi ích chúng sinh.

**Kinh:** *Tuy quán vô lậu... chẳng bỏ đại bi.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu. Tuy quán vô lậu vô vi, mà lại thuận hữu lậu lưu chuyển. Hành nghĩa là vận động tạo tác. Không hành tức vô vi. Tuy quán không hành mà thường thực hành lợi lạc. Tuy quán lý trong ngoài vô ngã mà chẳng xả bỏ đại bi, nhổ gốc khổ cho hữu tình.

**Kinh:** *Tuy quán vô sinh... tu tập trí tuệ.*

Tán: Đoạn này gồm ba câu. Tuy nhân đồng Nhị thừa quán lý vô sinh, nhưng chẳng rơi vào chánh vị của Nhị thừa; tuy quán không tịch mà chẳng không tịch, tu tập phước đức, tuy quán xa lia mà chẳng lia trí tuệ.

**Kinh:** *Tuy quán các pháp ... an lập hạt giống Phật*

Tán: Đoạn này gồm ba câu: Tuy quán lý hữu vi không thật mà chân như pháp tánh thường an trụ; tư duy viên mãn không thiếu sót. Tuy quán các pháp là chân như, không có chủ thể mà thường cầu tự nhiên trí, siêng năng không giải đãi. Có dấu hiệu tức các pháp hữu vi, như vua lấy cờ xí làm dấu hiệu. Vả lại các pháp hữu vi có năng tướng và sở tướng, dùng bốn tướng năng tướng làm năng tiêu xí (dấu hiệu) lấy tất cả các pháp hữu vi sở tướng làm sở tiêu xí (dấu hiệu). Vô vi thì không có các việc này nên gọi là vô tiêu xí (không có dấu hiệu). Tuy quán vô vi này, nhưng trong giáo liễu nghĩa thường vẫn nghe biết chánh pháp, an lập hạt giống Phật. Các từ quán được nói ở các câu trên đều là quán vô vi.

Nói “mà” tức là nói đều chẳng trụ.

**Kinh:** *Các thiện nam... chẳng trụ vô vi.*

Tán: Phần thứ ba là kết luận.

**Kinh:** *Lại, này các thiện nam... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn thứ ba, so sánh hai việc để luận hai loại, gồm mười sáu đôi. Bản dịch xưa chỉ có mười bốn đôi. Đoạn này có hai đôi. Tu tập phước đức hữu vi thì thọ nhận quả sinh tử thiện; chẳng trụ vô vi thì tu trí tư lương cứu khổ cho chúng sinh, cầu đại Bồ-đề, cho nên chẳng tận hữu vi. Nếu trụ vô vi, tận diệt hữu vi thì liền thành Nhị thừa, vĩnh viễn nhập diệt, chỉ có tư lợi mà chẳng có lợi tha. Đây là ý của văn sau, tất cả nên biết. Nếu chẳng trụ vô vi chẳng tận hữu vi thì chẳng đồng Nhị thừa vĩnh viễn nhập diệt, thành tựu hai lợi ích; ban vui đầy đủ không thiếu thì chẳng trụ vô vi; đại bi lợi ích hữu tình thì chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Lợi ích an lạc... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn này gồm hai đôi. Lợi sinh chẳng bỏ nên chẳng trụ vô vi, Phật pháp viên thành nên chẳng tận hữu vi. Thành tựu viên mãn thân Phật nên chẳng trụ vô vi, được vô úy... nên chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Phương tiện thiện xảo... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn này gồm hai đôi. Khéo léo hóa độ chúng sinh nên chẳng trụ vô vi, diệu trí thường quán xét nên chẳng tận hữu vi; tu tập các cõi Phật báo hóa viên mãn nên chẳng trụ vô vi; báo thân Phật thường trụ vô tận nên chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Thường làm lợi ích... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn này gồm hai đôi. Thường lợi ích hữu tình, nên chẳng trụ vô vi, lãnh thọ các pháp, không phế bỏ nên chẳng tận hữu vi. Thiện căn vô tận nên chẳng trụ vô vi; thiện căn chẳng hoại nên chẳng tận hữu vi. Do sức thiện căn giữ gìn công đức của thân khiến tất cả đều chẳng đoạn dứt nên chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Vì muốn thành tựu viên mãn... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn này gồm hai đôi. Vì thành tựu nguyện lợi sinh nên chẳng trụ vô vi; chẳng cần vĩnh viễn vào rốt ráo diệt nên chẳng tận hữu vi; ý lạc viên mãn; khéo léo thanh tịnh, tinh tấn hành lợi tha, nên chẳng trụ vô vi, tăng thượng ý lạc, khéo léo thanh tịnh, tự lợi không cùng tận, cho nên chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Thường du hý... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn này gồm hai đôi. Dùng năm thông lợi ích hữu tình nên chẳng trụ vô vi; khéo viên mãn, trí Phật, khéo viên mãn sáu thông, rốt ráo vô tận, nên chẳng tận hữu vi. Các độ tư lợi đã đầy đủ nên chẳng trụ

vô vi; tư duy về lợi tha chưa đầy đủ cho nên chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Gom tập pháp bảo tài bảo... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn này gồm hai đôi. Đối với pháp và tài bảo không nhàm chán, nên chẳng trụ vô vi, chẳng thích pháp nhỏ của Nhị thừa, chỉ thích pháp rộng lớn của Đại thừa nên chẳng tận hữu vi. Thệ nguyện không lui sụt, luôn độ hữu tình nên chẳng trụ vô vi; thệ nguyện đã viên mãn vì không bao giờ dừng nghỉ, nên chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Tích tập tất cả... chẳng tận hữu vi.*

Tán: Đoạn này gồm hai đôi. Gom tập diệu pháp lạc chẳng dừng nghỉ, nên chẳng trụ vô vi; tùy bệnh cho thuốc chẳng bao giờ ngừng dứt, nên chẳng tận hữu vi. Rõ biết bệnh của chúng sinh vì hay theo ngoại cảnh, cho nên chẳng trụ vô vi; hay vĩnh viễn dứt trừ các bệnh không dừng nghỉ, nên chẳng tận hữu vi.

**Kinh:** *Này các thiện nam... siêng năng tu học.*

Tán: Kết luận thành tựu nghĩa chẳng tận chẳng trụ.

**Kinh:** *Bấy giờ, tất cả... thân tâm vui mừng.*

Tán: Đoạn thứ ba, hoan hỷ cúng dường, khen ngợi cao đức mà trở về; gồm ba phần:

1. Nghe pháp vui mừng.
2. Rải hoa hương cúng dường.
3. Khen ngợi kính lễ trở về.

Đây là văn thứ nhất. Nghe pháp khai mở được điều chưa từng ngộ, khuyến lệ khiến cho tâm các Bồ-tát khai ngộ, cho nên vô cùng hoan hỷ, thân tâm sung sướng.

**Kinh:** *Dùng vô lượng các hoa... ngập đến đầu gối.* Tán: Dùng hoa hương cúng dường, có hai:

1. Cúng dường ba vị.
2. Rải hoa đầy khắp thế giới, như văn kinh đã ghi có thể tự biết.

Nơi có pháp như chùa tháp Phật theo lý nên cúng dường, hướng hồ biểu thị cõi Phật chỉ là tịnh, cũng biểu thị hữu tình diệt ác phiền não, cho nên che phủ mặt đất, đủ để tu hành lợi ích pháp tánh bình đẳng, cho nên nói hoa ngập đến gối.

**Kinh:** *Bấy giờ, các Bồ-tát... liền đến nước kia.*

Tán: Đây là khen ngợi lễ bái mà trở về. Thân nghiệp quy kính cho nên đánh lễ, ngữ nghiệp quy kính nên tán thán. Lợi ích đã đầy đủ cho nên phải trở về cõi nước.

